

THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-NĐĐT ngày 13/5/2024 của Giám đốc Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn Gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện 0,4kV năm 2024.

Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV kính mời các Quý công ty/đơn vị có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực và kinh nghiệm tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn với các nội dung cụ thể như sau:

- Tên Bên mời nhà cung cấp: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.
- Tên gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện 0,4kV năm 2024.
- Giá trị dự toán gói cung cấp (đã bao gồm thuế VAT): **1.654.857.245 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng).
- Thời gian phát hành Yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn: Từ thời điểm Hồ sơ yêu cầu được đăng tải trên Website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<https://vinacomin.vn>), Website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<http://dienluctkv.vn>) đến trước 09 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 5 năm 2024.
- Địa điểm phát hành Yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn: Hồ sơ yêu cầu được phát hành miễn phí (đính kèm thông báo này) trên Website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<https://vinacomin.vn>), Website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<http://dienluctkv.vn>).
- Địa điểm nhận Hồ sơ đề xuất: Văn phòng Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).
- Thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp: 09 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 5 năm 2024.
- Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai vào 10 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV kính mời đại diện của các nhà cung



cấp nộp Hồ sơ đề xuất tới tham dự lễ mở hồ sơ tham dự gói cung cấp vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC, KHĐT-VT.

Tài liệu đính kèm:

- Yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn Gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện 0,4kV năm 2024.

GIÁM ĐỐC




Trần Quang Đức



YÊU CẦU BÁO GIÁ CHÀO HÀNG CẠNH TRANH RÚT GỌN

Tên gói cung cấp:

Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ
điện 0,4kV năm 2024

Phát hành ngày:

13/ 5/2024

Ban hành kèm theo
Quyết định:

Số 1318/QĐ-NĐĐT ngày 13/ 5/2024 của
Giám đốc Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV

Tổ chuyên gia lập
YCBGCHCTRG
Tổ trưởng



Mai Văn Nhật

Bên mời nhà cung cấp
Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV
Giám đốc



Trần Quang Đức

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà cung cấp

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá báo giá

Chương III. Biểu mẫu

Chương IV. Yêu cầu đối với gói cung cấp

Chương V. Dự thảo hợp đồng

ph
hnh
B

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời nhà cung cấp	Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV
Gói cung cấp	Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện 0,4kV năm 2024
Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV	Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty điện lực - TKV - CTCP (ĐLTKV)
YCBGCHCTRG	Yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn
BG	Báo giá của nhà cung cấp

1/1
WIR
H

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

1. Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói cung cấp này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a. Được đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b. Hạch toán tài chính độc lập;

c. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

d. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện theo luật đấu thầu.

3. Nhà cung cấp là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ nhưng không giới hạn ở các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nhà nước mà cá nhân đó là công dân.

b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật (tùy thuộc từng hoạt động cung cấp dịch vụ Người có thẩm quyền yêu cầu cụ thể về điều kiện này).

c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

e) Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Nhà cung cấp có tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 và Khoản 2 Mục này được tham dự nộp hồ sơ gói cung cấp với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Mục 2. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói cung cấp (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của YCBGCHCTRG.

2. Nhà cung cấp phải nộp BG cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột "Mô tả

H WNW H

công việc mời cung cấp” tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong YCBGCHCTRG và không được người mua thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các gói cung cấp cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả gói cung cấp. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong BG hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. Thư giảm giá sẽ được bên mời nhà cung cấp bảo quản như một phần của BG và được mở đồng thời cùng BG của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng BG và không được ghi vào biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì BG của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 3. Thành phần của BG

BG do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà cung cấp liên danh theo Mẫu số 03 - Biểu mẫu;
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
5. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu;
6. Bản cam kết thực hiện gói cung cấp theo Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu;
7. Các nội dung khác yêu cầu trong YCBGCHCTRG (nếu có).

Mục 4. Thời gian có hiệu lực của BG

1. Thời gian có hiệu lực của BG là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. BG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của BG, bên mời nhà cung cấp có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của BG đồng thời yêu cầu nhà cung cấp gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì BG của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà cung cấp được nhận lại bảo đảm tham dự gói cung cấp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của BG.

Mục 5. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi BG

1. Nhà cung cấp chuẩn bị và nộp 01 Báo giá trực tiếp hoặc gửi BG theo đường bưu điện cho bộ phận văn thư (thông qua Biên bản giao nhận, giấy giới thiệu, CCCD của người đến nộp) của bên mời nhà cung cấp nhưng phải đảm bảo bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp là 09 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 5 năm 2024. Bộ phận văn thư có trách nhiệm bảo quản và bàn giao lại cho Tổ chuyên gia một lần tất cả các hồ sơ đã nhận (thông qua Biên bản bàn giao) ở thời điểm sau khi hết hạn nộp Báo giá và trước thời điểm mở Báo giá.

2. Bên mời nhà cung cấp sẽ tiếp nhận BG của tất cả nhà cung cấp nộp BG trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. Trường hợp nhà cung cấp nộp BG sau thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp thì BG bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại BG bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời nhà cung cấp trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp.

Trước thời điểm hết hạn nộp BG tham dự gói cung cấp, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế BG thì nhà cung cấp nộp BG thay thế hoặc BG sửa đổi cho bên mời nhà cung cấp.

Mục 6. Mở hồ sơ tham dự gói cung cấp

1. Bên mời nhà cung cấp tiến hành mở công khai BG của các nhà cung cấp vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) trước sự chứng kiến của các nhà cung cấp tham dự lễ hồ sơ tham dự gói cung cấp. Việc mở hồ sơ tham dự gói cung cấp không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà cung cấp tham dự.

2. Việc mở báo giá tham dự gói cung cấp được thực hiện đối với từng BG theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản BG và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: Tên nhà cung cấp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của BG, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác

mà bên mời nhà cung cấp thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở hồ sơ tham dự gói cung cấp mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời nhà cung cấp phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm tham dự gói cung cấp, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói cung cấp. Bên mời nhà cung cấp không được loại bỏ bất kỳ BG nào khi mở hồ sơ tham dự gói cung cấp, trừ các BG nộp sau thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp.

3. Bên mời nhà cung cấp phải lập biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời nhà cung cấp và các nhà cung cấp tham dự lễ mở hồ sơ tham dự gói cung cấp. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự gói cung cấp.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có BG hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá BG;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá BG;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng gói cung cấp không vượt dự toán gói cung cấp được phê duyệt.

Mục 8. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên Website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam(<https://vinacomin.vn>), Website của ĐLTKV (<http://dienluctkv.vn>).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời nhà cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 9. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, BG của nhà cung cấp được lựa chọn

còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói cung cấp. Trường hợp cần thiết, người mua tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói cung cấp thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong YCBGCHCTRG thì người mua sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà cung cấp. Khi đó, người mua sẽ huỷ quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Người mua phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói cung cấp theo đúng tiến độ.

Mục 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 9 Chương V. Dự thảo hợp đồng ban hành kèm YCBGCHCTRG này. Trường hợp nhà cung cấp sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 06 Chương V. Dự thảo hợp đồng hoặc một mẫu khác được người mua chấp thuận.

2. Nhà cung cấp không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 11. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà cung cấp

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người mua: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324);

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324);

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324).

Mục 12. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà cung cấp

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, nhà cung cấp có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324).

11
W
H

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ BG

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của BG

1.1. Kiểm tra BG

Kiểm tra các thành phần của BG theo yêu cầu tại Mục 3 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của BG

BG của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc BG;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của YCBGCHCTRG. Đối với nhà cung cấp liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong YCBGCHCTRG;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho người mua, bên mời nhà cung cấp;
- đ) Thời gian có hiệu lực của BG đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 4 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- e) Không có tên trong hai hoặc nhiều BG với tư cách là nhà cung cấp chính (nhà cung cấp độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- g) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu;
- h) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có BG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà cung cấp cam kết đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện 0,4kV năm 2024;

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

- Nhà cung cấp phải nộp bản cam kết về việc thực hiện gói cung cấp theo đúng nội dung yêu cầu tại Mục 2. Yêu cầu kỹ thuật của gói cung cấp. Chương

11

IV. Yêu cầu đối với gói cung cấp.

- Nhà thầu phải có đề xuất giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công và biện pháp quản lý chất lượng đối với một số công tác chính sau đây:

- + Tiếp nhận và bàn giao động cơ giữa Bên mua và nhà cung cấp.
- + Thực hiện sửa chữa phần điện của động cơ, phần cơ khí của động cơ.
- + Chạy thử, nghiệm thu.
- + Bàn giao động cơ cho chủ đầu tư.

Mục 4. Xác định giá chào

Xác định giá chào theo phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có);

Bước 6: Xếp hạng nhà cung cấp. BG có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt giá trị dự toán gói cung cấp thì được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBGCHCTRG và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì

số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBGCHCTRG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBGCHCTRG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời nhà cung cấp cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của gói cung cấp sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong BG của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một gói cung cấp trong BG của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với gói cung cấp này trong số các BG của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BG của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của gói cung cấp này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong BG của nhà cung cấp này; trường hợp BG của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói cung cấp được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói cung cấp: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh rút gọn và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh rút gọn số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh rút gọn với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói cung cấp]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.
4. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà cung cấp.
5. Có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện 0,4kV năm 2024.
6. Những thông tin kê khai trong báo giá là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh rút gọn.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày _____ tháng

(Handwritten signatures and marks)

_____ năm _____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời nhà cung cấp, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của hồ sơ chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho người mua, bên mời nhà cung cấp.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 1 Chương IV - Yêu cầu đối với gói cung cấp.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của YCBGCHCTRG.

(5) Ghi ngày đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định của YCBGCHCTRG.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà cung cấp là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà cung cấp độc lập. Nếu nhà cung cấp được lựa chọn, trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung cấp phải trình người mua bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng gói cung cấp [Ghi tên gói cung cấp] do [Ghi tên bên mời nhà cung cấp] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời nhà cung cấp trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ báo giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với người mua nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của [Ghi tên nhà cung cấp]. [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời nhà cung cấp cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

[Handwritten signatures and marks]

Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

Handwritten signatures and marks at the bottom right of the page.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói cung cấp: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp] phát hành ngày _____ [ghi ngày được ghi trên YCBGCHCTRG];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia chào hàng gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói cung cấp này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói cung cấp này. Trường hợp được lựa chọn, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành

viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho người mua theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói cung cấp ____ [*Ghi tên gói cung cấp*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời nhà cung cấp trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ YCBGCHCTRG và văn bản giải trình, làm rõ BG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

TT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ - ____
	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ - ____
...			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói cung cấp	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

(Handwritten signatures and marks)

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà cung cấp liên danh không được lựa chọn;
 - Huỷ lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp ____ [*Ghi tên gói cung cấp*] theo thông báo của bên mời nhà cung cấp.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói cung cấp, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

[Handwritten signatures and marks]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Khi tham dự cung cấp, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì BG của nhà cung cấp sẽ bị loại.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)x(5)	(7)
I	Tổ máy 1					
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm bổ sung nước ngưng #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 184,9A; Tốc độ: 2980rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm

ph *[Signature]* b

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 1C - Tổ máy 01 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 8 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 7 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 6 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm




STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)x(5)	(7)
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 5 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
13	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 4 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
14	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 3 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
15	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 2 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
16	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 1 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
17	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
18	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm





STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
19	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hồ 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
20	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hồ 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
21	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
22	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
23	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
24	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
25	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn xoay chiều #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 78,2A; Tốc độ: 2970rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm

Handwritten signature and initials.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)x(5)	(7)
26	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn một chiều #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 22kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 114,2A)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
27	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
28	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
29	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ vận trục #1 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 45A; Tốc độ: 730rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
30	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 1A - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
31	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 1B - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
32	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía không khí #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 15kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 28,6A; Tốc độ: 1460rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm

ph

W

th

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
33	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía không khí #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 10kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 50,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
34	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía H2 #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,4A; Tốc độ: 1415rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
35	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía H2 #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 4kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
36	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 1A (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
37	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 1B (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
38	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
39	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm

ph
Kha
th

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)x(5)	(7)
40	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
41	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
42	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn khử khí #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
43	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chèn tuabin 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
44	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chèn tuabin 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
II	Tổ máy 2					
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm bổ sung nước ngưng #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 184,9A; Tốc độ: 2980rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm

ph
WLLC
th

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm cấp nước 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm cấp nước 2C - Tổ máy 02 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 8 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm

ph

Wllaw

tb

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)x(5)	(7)
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 7 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 6 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 5 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
13	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 4 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
14	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 3 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
15	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 2 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
16	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 1 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm

ml
Wllaw
H

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
17	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
18	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
19	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hở 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
20	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hở 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
21	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
22	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
23	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm





STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
24	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
25	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn xoay chiều - Tổ máy 02 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 78,2A; Tốc độ: 2970rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
26	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn một chiều - Tổ máy 02 (Công suất: 22kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 114,2A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
27	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
28	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
29	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ vãn trục #2 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 45A; Tốc độ: 730rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
30	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm





STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)x(5)	(7)
31	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
32	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía không khí #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 15kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 28,6A; Tốc độ: 1460rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
33	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía không khí #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 10kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 50,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
34	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía H2 #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,4A; Tốc độ: 1415rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
35	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía H2 #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 4kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
36	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 2A (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
37	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 2B (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm





STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)x(5)	(7)
38	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1		.	Bảo dưỡng 1 năm
39	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
40	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
41	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
42	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn khử khí - Tổ máy 02 (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
43	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chèn tuabin 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Cái	1		.	Bảo dưỡng 1 năm
44	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chèn tuabin 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
III	Hệ thống than	Cái	1			





STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C6A (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80.3A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C6B (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80.3A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ đầu băng tải số C5 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cuối băng tải số C5 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C4 (Công suất: 75kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 132,2A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C3A (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 97,9A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C3B (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 97,9A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C2A (Công suất: 90kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 132,2A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm




STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)x(5)	(7)
	156,8A; Tốc độ: 1480rpm)					
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C2B (Công suất: 90kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 156,8A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C1A (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 272,7A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C1B (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 272,7A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ trục vít chia than cho máy nghiền A (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
13	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ trục vít chia than cho máy nghiền B (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
14	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo F nhánh B tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
15	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo E nhánh B tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm

th

M

th

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)	(7)
16	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo G nhánh A tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
17	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo F nhánh A tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
18	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo E nhánh A tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
19	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo D nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
20	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo C nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
21	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo B nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
22	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo A nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm

Handwritten signature and mark

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)x(5)	(7)
23	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo D nhánh A tổ máy 1 (HTXL T) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
24	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo C nhánh A tổ máy 1 (HTXL T) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
25	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo B nhánh A tổ máy 1 (HTXL T) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
26	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo A nhánh A tổ máy 1 (HTXL T) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
27	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G1 số 1(HTXL T) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
28	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G1 số 2(HTXL T) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
29	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G2 số 1 (HTXL T) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm




STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)	(7)
30	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G2 số 2 (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
31	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6A (số 1 ngoài) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
32	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6A (số 2 trong) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
33	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6B (số 1 ngoài) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
34	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6B (số 2 trong) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
35	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ sàng rung số 1 (ngoài) bằng tải đầu vào xuống silo tháp T5 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm
36	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ sàng rung số 2 (trong) bằng tải đầu vào xuống silo tháp T5 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 1 năm

Handwritten signature and initials.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
IV	Máy đánh phá đông					
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ gầu 45KW (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quán cấp cao áp 1.5KW (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,51A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quán cấp hạ áp 1.5KW (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,51A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu thủy lực căng băng 3KW (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 8,5A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu thủy lực 15KW (Công suất: 15kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 28,6A; Tốc độ: 1450rpm)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 1 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 2 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 3 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm

Handwritten signature and initials

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Đơn giá chào (Đồng/đvt)	Thành tiền (Đồng)	Cấp bảo dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
	20,3A)				.	2 năm
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 4 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ nâng hạ tám chân 0.55kW (Công suất: 0.55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 1,46A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quay cần 11KW (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,2A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải cần 37KW (Công suất: 37kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 66,6A)	Cái	1			Bảo dưỡng 2 năm
	Cộng					
	Thuế, phí (nếu có)					
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí liên quan)					
	.					

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
 [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Cột (5), (6) do nhà cung cấp chào.

Handwritten signature and stamp area.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI CUNG CẤP

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói cung cấp: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: _____ [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] do _____ [Ghi tên bên mời nhà cung cấp] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết:

- Cam kết thực hiện gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp] theo đúng nội dung yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn được duyệt.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải cam kết theo mẫu này.

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI CUNG CẤP

1. Giới thiệu chung về gói cung cấp

- Tên gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện 0,4kV năm 2024.
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào hàng cạnh tranh rút gọn theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 của Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV.
- Phương thức lựa chọn nhà cung cấp: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày.
- Khối lượng dự kiến thực hiện gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện 0,4kV năm 2024. Chi tiết theo bảng sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
I	Tổ máy 1		
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm bổ sung nước ngưng #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 184,9A; Tốc độ: 2980rpm)	Cái	1
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Cái	1
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Cái	1
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 1C - Tổ máy 01 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 8 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 7 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 6 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 5 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
13	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 4 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
14	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 3 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
15	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 2 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
16	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 1 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
17	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Cái	1
18	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Cái	1

[Handwritten signatures and initials]

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
19	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hồ 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Cái	1
20	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hồ 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Cái	1
21	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Cái	1
22	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Cái	1
23	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Cái	1
24	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Cái	1
25	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn xoay chiều #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 78,2A; Tốc độ: 2970rpm)	Cái	1
26	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn một chiều #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 22kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 114,2A)	Cái	1
27	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
28	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
29	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ vận trục #1 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 45A; Tốc độ: 730rpm)	Cái	1
30	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 1A - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Cái	1
31	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 1B - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Cái	1

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
32	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía không khí #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 15kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 28,6A; Tốc độ: 1460rpm)	Cái	1
33	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía không khí #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 10kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 50,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Cái	1
34	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía H2 #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,4A; Tốc độ: 1415rpm)	Cái	1
35	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía H2 #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 4kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Cái	1
36	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 1A (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Cái	1
37	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 1B (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Cái	1
38	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
39	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
40	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
41	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
42	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn khử khí #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
43	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chèn tuabin 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Cái	1
44	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chèn tuabin 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Cái	1

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
II	Tổ máy 2		
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm bổ sung nước ngưng #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 184,9A; Tốc độ: 2980rpm)	Cái	1
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Cái	1
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Cái	1
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm cấp nước 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm cấp nước 2C - Tổ máy 02 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Cái	1
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 8 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 7 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 6 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 5 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
13	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 4 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
14	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 3 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
15	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 2 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
16	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 1 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
17	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Cái	1
18	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Cái	1
19	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hở 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Cái	1
20	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hở 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Cái	1
21	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Cái	1
22	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Cái	1
23	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Cái	1
24	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Cái	1

W ulm

th

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
25	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn xoay chiều - Tổ máy 02 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 78,2A; Tốc độ: 2970rpm)	Cái	1
26	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn một chiều - Tổ máy 02 (Công suất: 22kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 114,2A)	Cái	1
27	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
28	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
29	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ vận trục #2 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 45A; Tốc độ: 730rpm)	Cái	1
30	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Cái	1
31	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Cái	1
32	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía không khí #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 15kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 28,6A; Tốc độ: 1460rpm)	Cái	1
33	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía không khí #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 10kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 50,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Cái	1
34	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía H2 #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,4A; Tốc độ: 1415rpm)	Cái	1
35	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía H2 #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 4kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Cái	1
36	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 2A (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Cái	1
37	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 2B (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Cái	1

Handwritten signature

Handwritten mark

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
38	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
39	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
40	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
41	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
42	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn khử khí - Tổ máy 02 (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Cái	1
43	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chèn tuabin 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Cái	1
44	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chèn tuabin 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Cái	1
III	Hệ thống than	Cái	1
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C6A (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C6B (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ đầu băng tải số C5 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cuối băng tải số C5 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C4 (Công suất: 75kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 132,2A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C3A (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 97,9A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1




STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C3B (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 97,9A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C2A (Công suất: 90kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 156,8A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C2B (Công suất: 90kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 156,8A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C1A (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 272,7A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C1B (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 272,7A; Tốc độ: 1480rpm)	Cái	1
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ trục vít chia than cho máy nghiền A (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A)	Cái	1
13	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ trục vít chia than cho máy nghiền B (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A)	Cái	1
14	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo F nhánh B tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
15	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo E nhánh B tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
16	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo G nhánh A tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
17	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo F nhánh A tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
18	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo E nhánh A tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1




STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
19	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo D nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
20	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo C nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
21	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo B nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
22	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo A nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
23	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo D nhánh A tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
24	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo C nhánh A tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
25	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo B nhánh A tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
26	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cào gạt than silo A nhánh A tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
27	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G1 số 1(HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1
28	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G1 số 2(HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1
29	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G2 số 1 (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
30	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G2 số 2 (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1
31	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6A (số 1 ngoài) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1
32	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6A (số 2 trong) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1
33	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6B (số 1 ngoài) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1
34	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6B (số 2 trong) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Cái	1
35	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ sàng rung số 1 (ngoài) bằng tải đầu vào xuống silo tháp T5 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
36	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ sàng rung số 2 (trong) bằng tải đầu vào xuống silo tháp T5 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Cái	1
IV	Máy đánh phá đồng		
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ gầu 45KW (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A)	Cái	1
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quần cấp cao áp 1.5KW (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,51A)	Cái	1
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quần cấp hạ áp 1.5KW (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,51A)	Cái	1
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu thủy lực căng băng 3KW (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 8,5A)	Cái	1
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu thủy lực 15KW (Công suất: 15kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 28,6A; Tốc độ: 1450rpm)	Cái	1
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 1 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Cái	1

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 2 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Cái	1
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 3 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Cái	1
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 4 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Cái	1
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ nâng hạ tấm chắn 0.55kW (Công suất: 0.55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 1,46A)	Cái	1
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quay cần 11KW (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,2A)	Cái	1
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải cần 37KW (Công suất: 37kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 66,6A)	Cái	1

2. Yêu cầu kỹ thuật của gói cung cấp

2.1. Yêu cầu kỹ thuật của gói cung cấp

Nhà cung cấp dịch vụ phải cam kết đáp ứng yêu cầu về kết quả đối với phần công việc sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện với danh mục, khối lượng công việc và yêu cầu về chất lượng thực hiện công việc (yêu cầu kết quả đầu ra) như sau:

Handwritten signatures and marks at the bottom right of the page.

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
I	Tổ máy 1			
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm bổ sung nước ngưng #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 184,9A; Tốc độ: 2980rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 184,9A$
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 211A$
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 2,6A$
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 211A$
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 2,6A$
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 11,3A$

th

Vũ Văn

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 11,3A$
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 1C - Tổ máy 01 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 11,3A$
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 8 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 7 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 6 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 5 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
13	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 4 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$





STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
14	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 3 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
15	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 2 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
16	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 1 - Tổ máy 01 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
17	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 316A$
18	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 316A$
19	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hở 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 280A$
20	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hở 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 280A$

th

Willa

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
21	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 52A$
22	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 52A$
23	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 14,5A$
24	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 14,5A$
25	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn xoay chiều #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 78,2A; Tốc độ: 2970rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 78,2A$
26	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn một chiều #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 22kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 114,2A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 114,2A$
27	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 98,1A$
28	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 98,1A$

th
mlm
mlm

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
29	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ vãn trục #1 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 45A; Tốc độ: 730rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 45A$
30	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 1A - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 5,89A$
31	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 1B - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 5,89A$
32	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía không khí #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 15kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 28,6A; Tốc độ: 1460rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 28,6A$
33	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía không khí #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 10kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 50,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 50,5A$
34	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía H2 #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,4A; Tốc độ: 1415rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 6,4A$
35	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía H2 #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 4kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 20,5A$

H

M

M

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
36	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 1A (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,2A$
37	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 1B (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,2A$
38	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 54,9A$
39	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 54,9A$
40	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,5A$
41	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,5A$
42	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn khử khí #1 - Tổ máy 01 (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 35,9A$





STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
43	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chén tuabin 1A - Tổ máy 01 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 20,3A$
44	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chén tuabin 1B - Tổ máy 01 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 20,3A$
II	Tổ máy 2			
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm bổ sung nước ngưng #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 184,9A; Tốc độ: 2980rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 184,9A$
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 211A$
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 2,6A$
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm chân không 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 110kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 211A; Tốc độ: 490rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 211A$
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn bơm chân không 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 1,2kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 2,6A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 2,6A$

th

WLS

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm nước cấp 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 11,3A$
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm cấp nước 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 11,3A$
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu khớp nối bơm cấp nước 2C - Tổ máy 02 (Công suất: 5,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 11,3A; Tốc độ: 1435rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 11,3A$
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 8 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 7 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 6 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 5 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
13	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 4 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
14	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 3 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
15	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 2 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
16	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt tháp làm mát 1 - Tổ máy 02 (Công suất: 200kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 340A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 340A$
17	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 316A$
18	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát tuần hoàn kín 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 185kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 316A; Tốc độ: 1485rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 316A$
19	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hở 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 280A$

ht

willow

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
20	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn hồ 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 280A; Tốc độ: 950rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải I ≤ 280A
21	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải I ≤ 52A
22	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm làm mát stator 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 52A; Tốc độ: 2950rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải I ≤ 52A
23	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải I ≤ 14,5A
24	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bypass 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 7,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 14,5A; Tốc độ: 1440rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải I ≤ 14,5A
25	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn xoay chiều - Tổ máy 02 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 78,2A; Tốc độ: 2970rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải I ≤ 78,2A
26	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu bôi trơn một chiều - Tổ máy 02 (Công suất: 22kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 114,2A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải I ≤ 114,2A
27	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải I ≤ 98,1A

ht

Wdhan

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
28	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu nâng trục 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 98,1A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 98,1A$
29	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ vận trục #2 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 45A; Tốc độ: 730rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 45A$
30	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 5,89A$
31	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút khói bể dầu chính 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 5,89A; Tốc độ: 2870rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 5,89A$
32	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía không khí #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 15kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 28,6A; Tốc độ: 1460rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 28,6A$
33	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía không khí #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 10kW; Điện áp: 220VDC; Dòng điện: 50,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 50,5A$
34	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn AC phía H2 #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,4A; Tốc độ: 1415rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 6,4A$

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
35	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu chèn DC phía H2 #2 - Tổ máy 02 (Công suất: 4kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,5A; Tốc độ: 1500rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 20,5A$
36	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 2A (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,2A$
37	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi dầu chèn 2B (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,2A; Tốc độ: 2840rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,2A$
38	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 54,9A$
39	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,5A$
40	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu EH 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 30kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 54,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 54,9A$
41	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tuần hoàn dầu EH 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,5A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,5A$

th

William

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
42	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm tái tuần hoàn khử khí - Tổ máy 02 (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A; Tốc độ: 1470rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 35,9A$
43	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chèn tuabin 2A - Tổ máy 02 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 20,3A$
44	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quạt hút hơi chèn tuabin 2B - Tổ máy 02 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A; Tốc độ: 2965rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 20,3A$
III	Hệ thống than			
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C6A (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 80,3A$
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C6B (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 80,3A$
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ đầu băng tải số C5 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 80,3A$
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cuối băng tải số C5 (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 80,3A$
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C4 (Công suất: 75kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 132,2A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 132,2A$

✓ *mm* *H*

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mời cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C3A (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 97,9A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 97,9A
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C3B (Công suất: 55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 97,9A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 97,9A
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C2A (Công suất: 90kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 156,8A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 156,8A
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C2B (Công suất: 90kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 156,8A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 156,8A
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C1A (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 272,7A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 272,7A
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ băng tải số C1B (Công suất: 160kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 272,7A; Tốc độ: 1480rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 272,7A
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ trực vít chia than cho máy nghiền A (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 35,9A
13	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ trực vít chia than cho máy nghiền B (Công suất: 18,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 35,9A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 35,9A

H

WAW



STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
14	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo F nhánh B tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
15	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo E nhánh B tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
16	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo G nhánh A tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
17	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo F nhánh A tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
18	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo E nhánh A tổ máy 2 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
19	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo D nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$

Handwritten signature and initials.

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
20	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo C nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
21	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo B nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
22	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo A nhánh B tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
23	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo D nhánh A tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
24	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo C nhánh A tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
25	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ cang gạt than silo B nhánh A tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
26	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ càn gặt than silo A nhánh A tổ máy 1 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
27	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G1 số 1(HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 6,73A$
28	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G1 số 2(HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 6,73A$
29	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G2 số 1 (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 6,73A$
30	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G2 số 2 (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 6,73A$
31	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6A (số 1 ngoài) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 6,73A$
32	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6A (số 2 trong) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 6,73A$

H

bblaw

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mời cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
33	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6B (số 1 ngoài) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 6,73A$
34	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ máy cấp rung G6B (số 2 trong) (HTXLT) (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 6,73A; Tốc độ: 980rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 6,73A$
35	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ sàng rung số 1 (ngoài) băng tải đầu vào xuống silo tháp T5 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
36	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ sàng rung số 2 (trong) băng tải đầu vào xuống silo tháp T5 (HTXLT) (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,65A; Tốc độ: 1400rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 1 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,65A$
IV	Máy đánh phá đông			
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ gầu 45KW (Công suất: 45kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 80,3A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 80,3A$
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quán cấp cao áp 1.5KW (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,51A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,51A$
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quán cấp hạ áp 1.5KW (Công suất: 1,5kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 3,51A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 3,51A$

Hc

Hc

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
4	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu thủy lực căng băng 3KW (Công suất: 3kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 8,5A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 8,5A
5	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bơm dầu thủy lực 15KW (Công suất: 15kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 28,6A; Tốc độ: 1450rpm)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 28,6A
6	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 1 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 20,3A
7	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 2 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 20,3A
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 3 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 20,3A
9	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ di chuyển 11KW số 4 (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,3A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 20,3A
10	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ nâng hạ tám chấn 0.55kW (Công suất: 0.55kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 1,46A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 1,46A
11	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ quay cần 11KW (Công suất: 11kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 20,2A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq$ 20,2A

Handwritten signature and initials.

STT	Nội dung công việc	Mô tả dịch vụ (*)	Khối lượng mỗi cung cấp	Yêu cầu kết quả đầu ra
12	Bảo dưỡng, sửa chữa Động cơ bằng tải cân 37KW (Công suất: 37kW; Điện áp: 400V; Dòng điện: 66,6A)	Thực hiện cấp bảo dưỡng 2 năm	1	Dòng điện chạy có tải $I \leq 66,6A$

(*) Chi tiết phân nội dung công việc các cấp bảo dưỡng cụ thể như sau:

1. Đối với công việc thực hiện theo cấp bảo dưỡng 1 năm cụ thể như sau:

- Nhà thầu tiếp nhận, vận chuyển các động cơ từ NMNĐ Mao Khê đến nơi sửa chữa;
- Thực hiện giải thể các động cơ dưới sự giám sát của chủ đầu tư;
- Giải thể động cơ, rút rotor;
- Vệ sinh động cơ, tẩy sơn cách điện bộ dây stator, làm sạch sơn cách điện bám trên bề mặt vỏ động cơ và lòng trong stator;
- Sấy khô stator ở nhiệt độ 130°C thời gian liên tục tối thiểu 8 giờ;
- Thay dây dẫn đầu ra, thay bảng cầu đầu dây (nếu không đảm bảo cách điện);
- Vệ sinh vỏ stator, kiểm tra, sửa chữa ổ đỡ vòng bi, sửa chữa đầu trục động cơ (nếu không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật);
- Đo kiểm tra các thông số điện trở cách điện (điện trở cách điện không nhỏ 0,5MΩ);
- Đo kiểm tra và ghi lại kết quả điện trở một chiều các pha của động cơ;
- Lắp ráp động cơ, chạy thử không tải;
- Nhà thầu bố trí phương tiện để vận chuyển các động cơ từ nơi sửa chữa đến NMNĐ Mao Khê để bàn giao cho Bên mời cung cấp, phối hợp với Bên mời cung cấp để nghiệm thu các động cơ sau sửa chữa theo quy định;
- Căn tâm động cơ với bơm (hoặc quạt), chạy thử có tải thiết bị.

(Handwritten signature and initials)

2. Đối với công việc thực hiện theo cấp bảo dưỡng 2 năm cụ thể như sau:

- Nhà thầu tiếp nhận, vận chuyển các động cơ từ NMNĐ Mao Khê đến nơi sửa chữa;
- Thực hiện giải thể các động cơ dưới sự giám sát của chủ đầu tư;
- Giải thể động cơ, rút rotor;
- Vệ sinh động cơ, tẩy sơn cách điện bộ dây stator, làm sạch sơn cách điện bám trên bề mặt vỏ động cơ và lòng trong stator;
- Sấy khô stator ở nhiệt độ 130°C thời gian liên tục tối thiểu 8 giờ;
- Thay vòng bi gối trục động cơ (Vòng bi do chủ đầu tư cung cấp);
- Thay dây dẫn đầu ra, thay bảng cầu đầu dây (nếu không đảm bảo cách điện);
- Vệ sinh vỏ stator, kiểm tra, sửa chữa ổ đỡ vòng bi, sửa chữa đầu trục động cơ (nếu không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật);
- Đo kiểm tra các thông số điện trở cách điện (điện trở cách điện không nhỏ $0,5\text{M}\Omega$);
- Đo kiểm tra và ghi lại kết quả điện trở một chiều các pha của động cơ;
- Lắp ráp động cơ, chạy thử không tải;
- Nhà thầu bố trí phương tiện để vận chuyển các động cơ từ nơi sửa chữa đến NMNĐ Mao Khê để bàn giao cho Bên mời cung cấp, phối hợp với Bên mời cung cấp để nghiệm thu các động cơ sau sửa chữa theo quy định;
- Căn tâm động cơ với bơm (hoặc quạt), chạy thử có tải thiết bị.

th
th

2.2. Yêu cầu an toàn của gói cung cấp

- Nhà cung cấp phải tuân thủ theo các nội quy, quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các chỉ dẫn của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV khi vào làm việc tại Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.

- Nhà cung cấp phải trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CBCNV của Nhà cung cấp khi làm việc tại nhà máy căn cứ trên điều kiện công việc cụ thể.

2.3. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nhà thầu phải thực hiện hoàn thành bảo dưỡng, sửa chữa cho từng động cơ trong vòng 20 ngày kể từ ngày Bên mời cung cấp bàn giao động cơ cho Nhà cung cấp (thời gian chờ vật tư do Bên mời cung cấp cấp sẽ không tính vào tiến độ thực hiện hợp đồng của từng động cơ).

2.4. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu

Tất cả các công việc do Nhà cung cấp thực hiện sẽ được Bên mời cung cấp kiểm tra, giám sát thường xuyên kể khi Nhà cung cấp thực hiện công việc bao gồm:

- Nghiệm thu công việc: Áp dụng với từng công việc do nhà cung cấp thực hiện;

- Nghiệm thu chạy thử không tải: Áp dụng đối với từng động cơ đã lắp ráp hoàn thiện;

- Nghiệm thu chạy thử có tải: Áp dụng đối với từng động cơ đã lắp ráp, căn tâm hoàn thiện;

- Nghiệm thu hoàn thành: Áp dụng đối với từng động cơ sau khi bàn giao cho Bên mời cung cấp.

2.5. Yêu cầu về bảo hành

- Nhà cung cấp có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ khối lượng công việc sửa chữa thiết bị do nhà cung cấp thực hiện với thời gian tối thiểu là 06 tháng, kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao cho chủ đầu tư.

- Thời gian bắt đầu tiến hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất không quá 07 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư;

- Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào nhà thầu phải sửa chữa lại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng;

- Trong trường hợp nhà cung cấp không thực hiện trách nhiệm bảo hành, chủ đầu tư buộc phải sửa chữa thì nhà cung cấp phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

11 *uuu* *10*

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện 0,4kV năm 2024.

Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/6/2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty điện lực - TKV - CTCP (ĐLTKV);

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ký ngày ____/____/2024 ký giữa Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV và Công ty ____ về việc thực hiện Gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện 0,4kV năm 2024;

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn Nhà cung cấp Gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện 0,4kV năm 2024;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời cung cấp (sau đây gọi là Bên A)

Tên Bên mời cung cấp: **Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV**

Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203. 6266323

Fax: 0203. 6266324

E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com

Tài khoản: 118000094269 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ưông Bí.

Mã số thuế: 0104297034-006

Đại diện là ông: **Trần Quang Đức**

Chức vụ: Giám đốc

Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà cung cấp: _____




Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____
(trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Nội dung công việc và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. Báo giá của Nhà cung cấp;
5. Yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

a) Thực hiện các biện pháp an toàn để tách thiết bị cần thực hiện công việc ra khỏi dây chuyền sản xuất và bàn giao vật tư, thiết bị cho Bên B.

b) Cử cán bộ phối hợp với Bên B thực hiện nghiệm thu, xác nhận khối lượng công việc Bên B hoàn thành.

c) Phối hợp với Bên B giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình Bên B thực hiện công việc.

d) Cam kết thanh toán cho Bên B theo điều kiện thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

(Chỗ trống để ký tên và đóng dấu)

- Cử cán bộ, nhân viên có năng lực phù hợp, thường xuyên liên hệ với Bên A để giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc Bên B đảm nhận.

- Chuẩn bị vật tư, máy móc, phương tiện vận chuyển, đi lại, tiến hành công việc theo nội dung hợp đồng.

- Thực hiện đúng khối lượng công việc được yêu cầu, đảm bảo thời gian và chất lượng.

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về nhân sự cũng như an toàn lao động khi tổ chức triển khai công việc tại nhà máy. Phải chấp hành đúng nội quy, quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy trong quá trình làm việc.

- Bên B phải cung cấp cho Bên A danh sách lao động của Bên B dự kiến tham gia vào công việc sửa chữa, bảo dưỡng tại nhà máy. Khi có sự bổ sung thêm lao động ngoài danh sách đã đăng ký, Bên B có trách nhiệm đăng ký và bổ sung các hồ sơ lao động với Bên A.

- Bên B phải trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CBCNV của Bên B khi làm việc tại nhà máy căn cứ trên điều kiện công việc cụ thể.

- Bên B phải đảm bảo người lao động của Bên B tuân thủ theo tất cả các quy định của Nhà nước về an toàn, các nội quy, quy định, quy trình đã được Bên A ban hành để áp dụng trong nhà máy.

- Bên B tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động trong suốt quá trình thực hiện công việc.

- Trong quá trình thực hiện công việc nếu Bên B để xảy ra sự cố gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại này và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra nghiêm trọng.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ bằng đồng Việt Nam. Giá hợp đồng là cố định. Trường hợp tăng hoặc giảm phạm vi công việc của Hợp đồng, hai bên sẽ ký phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, giá hợp đồng được thay đổi trên cơ sở khối lượng công việc tăng hoặc giảm].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ, bao gồm:

+) Văn bản đề nghị thanh toán;

+) Hóa đơn tài chính hợp lệ;

+) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;



+) Biên bản thanh toán.

c) Số lần thanh toán: Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành cho Bên B theo từng đợt sau khi Bên A đã nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Điều 6. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Điều chỉnh hợp đồng

1. Việc điều chỉnh hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp điều chỉnh hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Bên A không muộn hơn ngày ____ [Ghi ngày cho phù hợp]. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo Mẫu quy định tại bản yêu cầu báo giá.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực như sau:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B thực hiện hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

(Handwritten signatures and initials)

- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

- Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

- Bên B bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục này, Bên A có thể ký hợp đồng với Bên B khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

b) Bên B có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:

- Nếu Bên A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Bên B theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo hợp đồng về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B về việc quá hạn thanh toán.

- Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, Bên B không thể thực hiện được hợp đồng.

2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Bên B phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên A có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà cung cấp. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Bên B không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên A trước đó hoặc sau đó.

Điều 11. Bất khả kháng

1. Bên B không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 12. Cung cấp, yêu cầu đầu ra

1. Bên B phải cung cấp sản phẩm của dịch vụ theo tiến độ nêu trong yêu cầu báo giá:

2. Yêu cầu về tiến độ thực hiện dịch vụ: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày Bên mời cung cấp bàn giao động cơ cho Nhà cung cấp (*thời gian chờ vật tư do Bên mời cung cấp cấp sẽ không tính vào tiến độ thực hiện hợp đồng của từng động cơ*).

3. Yêu cầu về đầu ra của dịch vụ phi tư vấn: Bên B thực hiện dịch vụ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong yêu cầu báo giá.

Điều 13. Phạt và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng yêu cầu đã nêu trong hợp đồng (không kể trường hợp Bên A yêu cầu) thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 0,1% giá trị phần công việc không thực hiện cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại hợp đồng.

2. Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.

Điều 14. Giám sát và nghiệm thu

Handwritten signatures and marks at the bottom of the page.

Tất cả các công việc do Nhà cung cấp thực hiện sẽ được Bên mời cung cấp kiểm tra, giám sát thường xuyên kể khi Nhà cung cấp thực hiện công việc bao gồm:

- Nghiệm thu công việc: Áp dụng với từng công việc do nhà cung cấp thực hiện;

- Nghiệm thu chạy thử không tải: Áp dụng đối với từng động cơ đã lắp ráp hoàn thiện;

- Nghiệm thu chạy thử có tải: Áp dụng đối với từng động cơ đã lắp ráp, căn tâm hoàn thiện;

- Nghiệm thu hoàn thành: Áp dụng đối với từng động cơ sau khi bàn giao cho Bên mời cung cấp.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian tối đa 07 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Phán quyết của Tòa án có thẩm quyền. Trong thời gian chờ đợi phân xử của Tòa án, Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm thực hiện công việc theo đúng tiến độ, không vì lý do tranh chấp mà trì trệ đối với từng công việc. Nếu không thực hiện quy định trên mà gây ảnh hưởng tới quá trình sản xuất của Bên A thì Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ __[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành __bộ, Bên A giữ __bộ, Bên B giữ __bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN B**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN A**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

(Handwritten signatures and marks)

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp]

1/  

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên A/bên mời cung cấp]
 (sau đây gọi là Bên A/bên mời cung cấp)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà cung cấp] (sau đây gọi là nhà cung cấp) là Nhà cung cấp đã trúng gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng thực hiện [hàng hoá/xây lắp/dịch vụ phi tư vấn] cho gói cung cấp trên (sau đây gọi là hợp đồng)⁽²⁾;

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), Nhà cung cấp phải nộp cho Bên A/bên mời cung cấp bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà cung cấp với số tiền là _____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên A/bên mời cung cấp bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên A/bên mời cung cấp thông báo Nhà cung cấp vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời cung cấp sẽ báo cáo Bên A/bên mời cung cấp xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà cung cấp] (sau đây gọi là nhà cung cấp) là Bên B trúng gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp] đã ký hợp đồng số _____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

- (3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.
(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.



Handwritten signatures and initials at the bottom of the page.